BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ: 8276 /QĐ-ĐHSPHN-ĐT

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thi tiếng Anh tại Trường ĐHSP Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 276/NĐ ngày 11/10/1951 của Bộ Quốc gia Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm cao cấp (nay là Trường Đại học Sư phạm Hà Nội);

Căn cứ Điều lệ Trường Đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ thông báo số 42/TB-BGDĐT ngày 11/1/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công nhận năng lực khảo thí của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội để thực hiện nhiệm vụ rà soát năng lực Tiếng Anh theo Khung tham chiếu Châu Âu;

Căn cứ quyết định số 729/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Định dạng đề thi đánh giá năng lực sử dụng tiếng Anh từ bậc 3 đến bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận kết quả đánh giá năng lực tiếng Anh cho 184 học viên – kỳ thi ngày 23/9/2017 tại Trường ĐHSP Hà Nội(*có danh sách kèm theo*).

Điều 2: Các ông (bà) Trưởng các phòng chức năng và các học viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Nguyễn Văn Minh

Nơi gửi:
- *Như điều 2;*
- *Lưu VT, ĐT.*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP-TỰ DO-HẠNH PHÚC

BẢNG ĐIỂM

LỚP KHẢO SÁT NĂNG LỰC TIẾNG ANH (3 BẬC) - LỚP CCTA75 - TẠI ĐHSP HÀ NỘI

(Kèm theo quyết định số 8276/QĐ-ĐHSPHN ngày 11 tháng 10 năm 2017)

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	nghe-1	noi-1	doc-1	viet-1	TBC	Ghi chú
1	001	Đinh Lê Phương Anh	06-07-1991	6.5	5	6.5	5	6	B2
2	002	Hà Kiều Anh	01-11-1993	7	5.5	5	5	5.5	B1
3	003	Lê Nguyên Anh	04-03-1994	6.5	6	7	5.5	6.5	B2
4	004	Lê Thị Anh	02-02-1993	3	5.5	4.5	4.5	4.5	B1
5	005	Lê Thị Tú Anh	22-03-1994	6.5	4.5	5	3.5	5	B1
6	006	Phạm Hải Anh	02-07-1991	3	5	5.5	5	4.5	B1
7	007	Nguyễn Thị Ngọc ánh	03-01-1996	5.5	4.5	6	5.5	5.5	B1
8	008	Hoàng Thị Diệu Bình	07-06-1994	3	4.5	4.5	4.5	4	B1
9	009	Nguyễn Thị Bình	06-04-1981	5	4.5	3.5	3.5	4	B1
10	010	Phạm Thị Việt Chinh	25-04-1993	4.5	6	5.5	3.5	5	B1
11	011	Nguyễn Hữu Chính	08-06-1989	4.5	4.5	5	3.5	4.5	B1
12	012	Vũ Bảo Chung	05-07-1993	4	4	5	6	5	B1
13	013	Lê Thị Diên	04-09-1994	5	5.5	3.5	6.5	5	B1
14	014	Nguyễn Thị Kim Dung	16-02-1996	5.5	5	4	4.5	5	B1
15	015	Nguyễn Thị Kim Dung	01-05-1995	3	5.5	3.5	1	3.5	
16	016	Nguyễn Thị Thùy Dung	05-05-1986	3.5	5	4	4	4	B1
17	017	Khuất Duy Duy	29-12-1992	2.5	4.5	5	3.5	4	B1
18	018	Phạm Việt Dũng	07-07-1985	5	4.5	5	3	4.5	B1
19	019	Dương Thị Anh Đào	25-01-1968	5	8	5.5	6.5	6.5	B2
20	020	Vũ Văn Đông	10-10-1987	2.5	6	3.5	4.5	4	B1
21	021	Trần Anh Đức	06-01-1993	6	6.5	6	6	6	B2
22	022	Võ Thị Hương Giang	28-09-1996	2.5	5	6	6	5	B1
23	023	Vũ Thị Kim Giang	19-09-1994	6.5	5	3	5	5	B1
24	024	Đỗ Thị Hà	20-04-1996	3	5.5	4	3.5	4	B1
25	025	Nguyễn Thị Thu Hà	06-08-1993	4.5	7.5	6.5	5.5	6	B2
26	026	Phạm Hồng Hà	14-10-1993	4.5	6	6	3	5	B1
27	027	Trần Thị Thanh Hà	07-01-1992	4	4.5	2	3.5	3.5	
28	028	Vũ Mạnh Hà	09-09-1988	4	7	5	5	5.5	B1
29	029	Vũ Thị Hà	09-07-1993	4	4.5	3.5	3.5	4	B1
30	030	Đoàn Thị Hải	15-11-1993	5	5	5.5	5	5	B1
31	031	Phạm Thị Thanh Hải	02-10-1992	6	4.5	5	5.5	5.5	B1

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	nghe-1	noi-1	doc-1	viet-1	TBC	Ghi chú
32	032	Trịnh Đình Hải	22-02-1979	5.5	4.5	2.5	3.5	4	B1
33	033	Lê Thị Tuyết Hằng	17-02-1993	5	5	4.5	4.5	5	B1
34	034	Nguyễn Thị Hằng	30-11-1988	5	4.5	5	3.5	4.5	B1
35	035	Nguyễn Thị Thu Hằng	22-04-1990	5	6	3.5	5	5	B1
36	036	Trần Thị Thái Hằng	02-03-1988	6	5.5	4.5	5	5.5	B1
37	037	Phạm Thị Hiền	02-11-1993	2.5	4.5	4.5	4	4	B1
38	038	Hà Thị Thu Hiền	10-05-1994	4.5	4.5	4.5	3.5	4.5	B1
39	039	Khương Thu Hiền	01-10-1990	5.5	6	4	3.5	5	B1
40	040	Lý Thị Hiền	06-03-1994	5	6.5	5	6.5	6	B2
41	041	Nguyễn Thu Hiền	10-01-1994	5	4.5	6.5	5	5.5	B1
42	042	Trần Thị Thanh Hiền	13-07-1990	2.5	4.5	4	4.5	4	B1
43	043	Đặng Thị Quỳnh Hoa	26-10-1979	4.5	5.5	3.5	4	4.5	B1
44	044	Nguyễn Thị Hoa	01-04-1994	5	5	3	4	4.5	B1
45	045	Nguyễn Thị Hoa	20-08-1986	3	4.5	3.5	2.5	3.5	
46	046	Phạm Thị Thanh Hoa	27-04-1988	5	5	2.5	4.5	4.5	B1
47	047	Phạm Thị Hoan	09-08-1989	4	7	4.5	5.5	5.5	B1
48	048	Lương Minh Hòa	19-11-1987	6	4.5	4.5	7	5.5	B1
49	049	Lương Thị Hồng	02-11-1991	6.5	5	3	5.5	5	B1
50	050	Nguyễn Thị Hồng	30-09-1972	5.5	6	2.5	6	5	B1
51	051	Trần Thị Mai Hồng	23-04-1995	2.5	5	4	5.5	4.5	B1
52	052	Phạm Thị Huế	18-10-1988	4.5	4.5	4	4	4.5	B1
53	053	Trần Thị Huế	26-12-1990	5	5	5.5	6	5.5	B1
54	054	Đỗ Thị Huyên	17-10-1989	5.5	4.5	3.5	1.5	4	B1
55	055	Hà Thu Huyền	10-11-1987	6	6.5	5.5	5.5	6	B2
56	056	Nguyễn Thị Huyền	14-10-1984	4	4.5	4	5	4.5	B1
57	057	Nguyễn Thị Huyền	12-02-1992	6.5	6	6	5.5	6	B2
58	058	Nguyễn Thị Thanh Huyền	28-05-1986	4.5	7	5.5	7	6	B2
59	059	Nguyễn Thị Thu Huyền	05-06-1994	4	5	3.5	4	4	B1
60	060	Trần Thị Minh Huyền	05-10-1991	3	5	4.5	4	4	B1
61	061	Vũ Mạnh Hùng	16-02-1994	8	5.5	6	4.5	6	B2
62	062	Đoàn Thị Hương	09-10-1993	6	5	7	4	5.5	B1
63	063	Nguyễn Thị Hương	13-06-1994	4	5.5	4.5	3.5	4.5	B1
64	064	Nguyễn Thị Thu Hương	01-11-1991	5	4.5	3.5	4	4.5	B1
65	065	Bùi Thị Hường	10-10-1992	6	5.5	4.5	4	5	B1
66	066	Nguyễn Thị Hường	27-05-1994	6	5	4	4	5	B1
67	067	Nguyễn Thị Hường	24-12-1986	5	5	6.5	5	5.5	B1
68	068	Phạm Thị Hồng Lan	27-03-1993	4.5	4.5	3	4	4	B1

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	nghe-1	noi-1	doc-1	viet-1	TBC	Ghi chú
69	069	Hoàng Thị Lệ	24-07-1991	1	5.5	4	4	3.5	
70	070	Đào Thị Bích Liên	08-11-1994	6	5	4	3.5	4.5	B1
71	071	Trần Thị Bích Liên	28-03-1994	5.5	4.5	3.5	4	4.5	B1
72	072	Trần Thị Liễu	03-06-1990	2.5	4	3	2	3	
73	073	Bùi Thị Mỹ Linh	05-09-1995	4.5	4.5	5	3.5	4.5	B1
74	074	Đào Khánh Linh	02-10-1993	4.5	4.5	3.5	3.5	4	B1
75	075	Đinh Thùy Linh	22-12-1994	6.5	6	4.5	4.5	5.5	B1
76	076	Lê Thị Tài Linh	31-01-1995	5.5	6	5.5	4	5.5	B1
77	077	Mai Ngọc Linh	17-12-1993	5	4.5	4.5	3.5	4.5	B1
78	078	Nguyễn Ngọc Huyền Lin	02-12-1994	4.5	4.5	4	3.5	4	B1
79	079	Trần Thị Linh	22-07-1993	2.5	6	4	4	4	B1
80	080	Hà Kiều Loan	09-06-1994	4	4.5	4	4	4	B1
81	081	Nguyễn Thị Thanh Loan	12-04-1991	5	4.5	2.5	3.5	4	B1
82	082	Đinh Thị Tuyết Mai	28-07-1994	5	4.5	4	4	4.5	B1
83	083	Đỗ Thị Quỳnh Mai	14-10-1994	6	4.5	4.5	4	5	B1
84	084	Nguyễn Thị Thanh Mai	03-02-1992	6.5	5.5	4.5	3	5	B1
85	085	Phạm Thị Phương Mai	08-10-1985	5.5	7.5	5	5	6	B2
86	086	Trần Thị Mai	26-07-1993	5	5	5.5	4	5	B1
87	087	Mai Thị Mùi	03-07-1991	3.5	5	6	4	4.5	B1
88	088	Vũ Thị Mùi	05-12-1992	5.5	4.5	5	3.5	4.5	B1
89	089	Đinh Thị Mỹ	07-12-1992	4.5	5	4	3	4	B1
90	090	Nguyễn Phương Nam	23-10-1989	6	5	5	4	5	B1
91	091	Bùi Thị Nga	22-02-1993	5	4.5	4.5	3.5	4.5	B1
92	092	Hoàng Thúy Nga	01-02-1993	2.5	5.5	5.5	5	4.5	B1
93	093	Nguyễn Thị Nga	28-12-1991	4.5	4.5	4	4	4.5	B1
94	094	Nguyễn Thị Thanh Nga	04-10-1994	7	6	6	4.5	6	B2
95	095	Ninh Thị Thu Nga	09-11-1993	4.5	7	5	5	5.5	B1
96	096	Phan Thị Thu Nga	15-04-1994	6	6.5	3	5	5	B1
97	097	Trần Thị Thu Nga	22-08-1982	6.5	4.5	5.5	4	5	B1
98	098	Trần Thị Mỹ Ngà	07-04-1980	6.5	5.5	6	5	6	B2
99	099	Nguyễn Thị Thanh Ngân	08-10-1994	4.5	6.5	5.5	5	5.5	B1
100	100	Đinh Bảo Ngọc	02-05-1992	5.5	5	4	3.5	4.5	B1
101	101	Nguyễn Tiến Ngọc	20-03-1993	6	4.5	3	4	4.5	B1
102	102	Nguyễn Văn Ngọc	29-06-1986	4.5	6	3.5	5	5	B1
103	103	Nguyễn Thị Hồng Nguyê	17-09-1986	3	4.5	4	4	4	B1
104	104	Nguyễn Thị Hồng Nguyệt	02-07-1994	6.5	7	6	6	6.5	B2
105	105	Nguyễn Thị Nguyệt	25-10-1993	3	6	4.5	5	4.5	B1

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	nghe-1	noi-1	doc-1	viet-1	TBC	Ghi chú
106	106	Vũ Thị Nguyệt	29-04-1993	4	5.5	4.5	5	5	B1
107	107	Dương Thị Trang Nhung	01-04-1992	5	5	2.5	4	4	B1
108	108	Lê Thị Hồng Nhung	16-07-1993	5	4.5	4	3.5	4.5	B1
109	109	Nguyễn Hồng Nhung	20-07-1993	4.5	5	3	3.5	4	B1
110	110	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22-11-1994	4	5	2.5	1.5	3.5	
111	111	Nguyễn Thị Nhung	28-03-1994	5	5	5.5	5	5	B1
112	112	Nguyễn Thị Nhung	10-09-1992	4.5	4.5	3.5	4	4	B1
113	113	Hà Khánh Ninh	22-06-1991	4.5	4.5	4	3.5	4	B1
114	114	Nguyễn Thị Ninh	15-03-1987	5	6	4.5	5	5	B1
115	115	Trần Thị Mai Oanh	22-09-1984	4	6.5	3.5	3.5	4.5	B1
116	116	Hà Thị Hồng Phú	01-09-1982	4	6.5	5	4.5	5	B1
117	117	Âu Thị Phương	07-02-1992	2.5	4.5	3.5	3.5	3.5	
118	118	Nguyễn Thị Phương	06-10-1984	6	4.5	4	5	5	B1
119	119	Nguyễn Thị Phương	17-01-1995	5	6.5	4.5	4.5	5	B1
120	120	Trần Thị Lan Phương	03-05-1996	4	5.5	4.5	5	5	B1
121	121	Nguyễn Hương Quỳnh	20-02-1994	6.5	6.5	5.5	4.5	6	B2
122	122	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	07-12-1994	6.5	5.5	3.5	4.5	5	B1
123	123	Nguyễn Thị Sinh	15-12-1994	4.5	6	3.5	5.5	5	B1
124	124	Nguyễn Văn Sỏi	10-05-1983	2.5	5	4	4	4	B1
125	125	Hà Thị Thanh Tâm	08-08-1985	4	5.5	6	5	5	B1
126	126	Hoàng Như Thanh	01-02-1986					0	
127	127	Nguyễn Kim Thanh	20-09-1987	5	5.5	5	5.5	5.5	B1
128	128	Nguyễn Thị Thanh	01-12-1992	6	5	6	2.5	5	B1
129	129	Nguyễn Thị Thao	07-12-1993	6	6.5	3.5	3	5	B1
130	130	Phạm Văn Thành	06-05-1994	7.5	6	5.5	4.5	6	B2
131	131	Hoàng Thị Thảo	01-06-1991	5.5	4.5	5.5	3.5	5	B1
132	132	Nguyễn Phương Thảo	07-02-1996	3	5	6.5	4	4.5	B1
133	133	Nguyễn Thị Phương Thảo	02-09-1990	4	4.5	4.5	3	4	B1
134	134	Nguyễn Thị Thảo	12-08-1992	6.5	5	2.5	3.5	4.5	B1
135	135	Nguyễn Thị Thảo	18-10-1993	5	5.5	3	5	4.5	B1
136	136	Nguyễn Thị Thảo	13-02-1994	5.5	6	4	4	5	B1
137	137	Nguyễn Thị Thu Thảo	12-03-1985	3	5	6	4	4.5	B1
138	138	Phạm Thị Bích Thảo	14-05-1986	5.5	4.5	4	4	4.5	B1
139	139	Đặng Thị Hồng Thắm	30-07-1993	5.5	7	5	5	5.5	B1
140	140	Nguyễn Tiến Thắng	14-06-1988	5.5	6	3.5	5	5	B1
141	141	Triệu Văn Thân	22-09-1991	3.5	4.5	4	4	4	B1
142	142	Vũ Thị Thi	19-06-1990	6	5	5	4	5	B1

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	nghe-1	noi-1	doc-1	viet-1	TBC	Ghi chú
143	143	Tô Văn Thịnh	02-05-1992	6	6	6.5	4	5.5	B1
144	144	Cao Thị Thoa	06-09-1992	4	5.5	5	4.5	5	B1
145	145	Nguyễn Thị Kim Thoa	27-11-1992	6	5	3	5	5	B1
146	146	Lương Hoài Thu	17-04-1982	6	5.5	4	5	5	B1
147	147	Nguyễn Thị Vân Thư	08-11-1991	5	5.5	4	4	4.5	B1
148	148	Trần Thị Thu	30-03-1991	2	4.5	4	3.5	3.5	
149	149	Hoàng Văn Thuận	10-03-1994	4.5	5.5	3	4	4.5	B1
150	150	Lê Minh Thúy	18-08-1994	4.5	5.5	4.5	4.5	5	B1
151	151	Mùi Thị Thúy	22-12-1991	2.5	5	4	4	4	B1
152	152	Nguyễn Thị Phương Thúy	31-07-1984	5	4.5	3.5	2.5	4	B1
153	153	Nguyễn Thị Thúy	03-06-1988	4.5	5	2.5	4	4	B1
154	154	Đỗ Thị Thủy	17-09-1992	7	5.5	4.5	4	5.5	B1
155	155	Hoàng Thị Lệ Thủy	22-07-1993	5	6	7	6	6	B2
156	156	Lê Thị Thủy	12-05-1988	5	4.5	2.5	3	4	B1
157	157	Vũ Thị Thanh Thủy	06-11-1986	6	5	4.5	4	5	B1
158	158	Đỗ Thị Thư	22-12-1984	3	5	4	4	4	B1
159	159	Trần Thị Minh Thư	26-03-1990	6	4.5	3.5	3	4.5	B1
160	160	Đỗ Thị Thương	10-08-1992	5	5.5	4	1.5	4	B1
161	161	Đinh Thị Kiều Trang	15-01-1989	6.5	4.5	3	3	4.5	B1
162	162	Lê Thị Quỳnh Trang	08-01-1994	4	5	4.5	4.5	4.5	B1
163	163	Lê Thị Thùy Trang	12-06-1993	6.5	5.5	4	5	5.5	B1
164	164	Nguyễn Thị Kiều Trang	10-04-1993	6.5	4.5	6	3.5	5	B1
165	165	Nguyễn Thị Thảo Trang	17-09-1994	5.5	6.5	6	3.5	5.5	B1
166	166	Nguyễn Thị Thùy Trang	30-05-1994	3.5	6.5	5	6	5.5	B1
167	167	Nguyễn Thu Trang	01-03-1994	6	5.5	5	4	5	B1
168	168	Nguyễn Thu Trang	26-08-1996	7	6.5	6	7.5	7	B2
169	169	Phùng Lan Trang	16-09-1992	5	5.5	3.5	4.5	4.5	B1
170	170	Trần Thu Trang	06-10-1987	6	6.5	6	5.5	6	B2
171	171	Nguyễn Anh Tuấn	18-10-1984	5	5	6	4	5	B1
172	172	Nguyễn Thị Cẩm Tú	27-10-1993	5	5.5	6	4	5	B1
173	173	Đoàn Thanh Tường	03-09-1958	7.5	5.5	6.5	7.5	7	B2
174	174	Triệu Thu Uyên	27-07-1995	5	6	5.5	5.5	5.5	B1
175	175	Đào Thị Vân	30-05-1996	3	6.5	4	4	4.5	B1
176	176	Trần Thị Hồng Vân	01-11-1993	6	6	5	4	5.5	B1
177	177	Nguyễn Thanh Xuân	03-11-1983	6	7	6.5	4	6	B2
178	178	Nguyễn Thị Xuân	28-02-1991	4.5	4.5	4.5	4	4.5	B1
179	179	Đào Thị Yến	12-07-1994	6.5	6	5.5	4.5	5.5	B1

Stt	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	nghe-1	noi-1	doc-1	viet-1	TBC	Ghi chú
180	180	Mai Thị Yến	15-06-1992	2.5	5.5	4.5	3	4	B1
181	181	Nguyễn Thị Yến	03-05-1984	4.5	5.5	4	4	4.5	B1
182	182	Nguyễn Thị Yến	08-11-1995	4	6	5	6	5.5	B1
183	183	Tô Thị Hải Yến	24-04-1994	4	7	5	3.5	5	B1
184	184	Trần Thị Hải Yến	20-10-1988	2		2.5	5	2.5	

Danh sách này có 184 người.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Nguyễn Văn Minh